TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN PHÚ NHUẬN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2025/HSST
Ngày: 20/5/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Túy Phượng
2. Ông Nguyễn Minh Tấn

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Bùi Thị Thức – Thư ký Toà án, Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận tham gia phiên tòa*:**
Bà Phạm Thị Kim Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2025 tại 2025 tại điểm cầu trung tâm - trụ sở Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh và điểm cầu N tạm giữ Công an quận P xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 19/2025/HSST ngày 05 tháng 3 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2025/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 4 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2025/HSST-QĐ ngày 06/5/2025 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2025/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 5 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Trần Thành T,** sinh ngày 26/6/1998 tại Bến Tre; Tên gọi khác: không; Nơi đăng ký thường trú: 30/5 Ấ, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre; Chổ ở hiện nay: không nơi cư trú nhất định; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá: 0/12; Giới tính: Nam; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): không; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Minh Đ, sinh năm 1965 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1968; vợ con: không; tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân:

- Ngày 12/3/2015, bị Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" - Bản án số 13/2015/HSST - Tài kháng cáo. Ngày 08/5/2015, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phúc thẩm - quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm số 283/2015/HSPT-QĐ. Chấp hành xong ngày 13/06/2015), đã đóng án phí HSST.

- Ngày 16/8/2016, bị Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" - Bản án số 150/2016/HSST. Bản án bị kháng nghị. Ngày 15/11/2016, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm, xử phạt T 03 năm tù và liên đới bồi thường 156.000.000 đồng - Bản án số 667/2016/HSPT ngày 15/11/2016. Chấp hành xong ngày 18/9/2018, đã thi hành xong nghĩa vụ dân sự.

(Khi thực hiện hành vi phạm tội năm 2014 và 2016, T chưa đủ 18 tuổi, vì vậy không xác định tiền án theo quy định tại Điều 107 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Ngày 10/6/2019, Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận xử phạt 04 năm tù về tội "Cướp giật tài sản", Bản án số 38/HSST. Chấp hành xong ngày 07/02/2022, đã đóng án phí HSST.

Bị cáo bị bắt, giam giữ từ ngày: 29/8/2024

2. Họ và tên**: Trần Văn Q,** sinh ngày 26/12/1995 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Tên gọi khác: T1, Q; Nơi đăng ký thường trú: B P, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở hiện nay: không nơi cư trú nhất định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 2/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn Đ1, sinh năm 1953 và bà Võ Thị V, sinh năm 1954; Vợ con: không; tiền án: Ngày 31/5/2022, Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", bản án số 74/2022/HSST, chấp hành xong ngày 17/01/2023; tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt, giam giữ từ ngày: 13/9/2024 đến nay

+ Người bị hại:

1/ Bà Nguyễn Thị Như Q1, sinh năm 1995

Địa chỉ: A P, Phường C, quận P, Tp ..

" vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt"

2/ Bà Phạm Thị H, sinh năm 1952

Địa chỉ: 6 Q, Phường A, quận G, Tp ..

" vắng mặt có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt"

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Trương Minh Đ2, sinh năm 1997

Địa chỉ: E L, Phường F, thành phố T, tỉnh Long An.

" vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt"

2/ Bà Lương Thị Nga L, sinh năm 1977 "vắng mặt"

Địa chỉ: H T, Phường A, quận T, Tp ..

3/ Ông Hồ Khánh D, sinh năm 1992

Địa chỉ: A, Phường F, thành phố T, tỉnh Long An.

" vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt"

4/ Ông Đỗ Đức T2, sinh năm 1966

Địa chỉ: 2 H, Phường H, Quận C, Tp ..

" vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt"

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vụ thứ nhất:

Do cần tiền để tiêu xài, Trần Thành T nảy sinh ý định trộm cắp xe gắn máy để bán lấy tiền tiêu xài. Khoảng 14 giờ 00 phút ngày 24/8/2024, T đến nhà Nguyễn Trương Hoàng B, địa chỉ số H V, Phường B, quận B rủ Trần Văn Q đi trộm cắp xe máy, Q đồng ý. Sau đó, T điều khiển xe hiệu Honda AirBlade, biển số 62B1-554.37 chở Q đi qua nhiều tuyến đường A, Quận A tìm xe máy không có người trông coi để trộm cắp. Do không tìm được xe để trộm cắp, cả hai quay về đường N tiếp tục đi tìm. Đến khoảng 16 giờ 50 phút ngày 24/8/2024, cả hai đến địa chỉ số A P, Phường C, quận P phát hiện xe máy hiệu Honda Shmode màu trắng, biển số 47E1-258.51 của bà Nguyễn Thị Như Q1 để trước cửa, không có người trông coi, T nói Q đi bộ xuống lấy trộm chiếc xe còn T có nhiệm vụ cảnh giới, Q đồng ý. T đậu xe ở hẻm đối diện nhà số A P, Phường C, quận P để Q cầm cây đoản lấy từ trong balo của T (T chuẩn bị từ trước) đi bộ đến vị trí xe máy

SH Mode màu trắng, biển số 47E1-258.51, dùng đoản bẻ khóa xe, Q lên xe nổ máy, điều khiển xe vừa trộm đến vị trí T đứng cảnh giới, rồi cả hai cùng tẩu thoát. Đến khoảng 17 giờ 10 phút cùng ngày, T và Q đến bãi giữ xe tại địa chỉ số E P, Phường A, quận B gửi xe, để tìm chỗ bán xe lấy tiền chia nhau tiêu xài.

Khoảng 16 giờ 50 phút cùng ngày, chị Q1 phát hiện xe bị mất. Bà Q1 kiểm tra định vị xe phát hiện xe đang đậu tại bãi xe E P, Phường A, quận B. Sau đó, chị Q1 đến Công an P1, quận P trình báo sự việc.

Qua truy xét, khoảng 16 giờ 00 phút ngày 26/8/2024, Công an mời T về trụ sở Công an P1, quận P làm việc, T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như trên.

Ngày 13/9/2024, Trần Văn Q đến Công an P1, quận P đầu thú.

Vụ án thứ hai:

Khoảng 14 giờ 00 ngày 25/8/2024, Trần Thành T điều khiển xe gắn máy hiệu Honda Airblade, biển số 62B1-554.37 gặp đối tượng tên P (chưa rõ lai lịch) tại quán cà phê ở đường V, phường A, Quận A. Do mới ra tù và cần tiền tiêu xài nên T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản để bán lấy tiền tiêu xài. T rủ P cùng đi tìm tài sản sơ hở để trộm cắp, bán lấy tiền tiêu xài, P đồng ý. T mang theo 01 balo màu đen, bên trong có: 01 cây đoản, kìm cộng lực, vít, xà beng để trong cốp xe máy và 01 biển số xe giả 61N3-841.96. Sau đó, T tháo biển số 62B1-554.37 của xe máy hiệu Honda Airblade ra và cất trong cốp xe, sau đó lấy biển số xe giả 61N3-841.96 trong cốp xe gắn vào xe Honda Airblade để tránh bị phát hiện. T lấy 01 cây đoản chuẩn bị sẵn trong cốp xe cầm trên tay, còn P điều khiển xe đã gắn biển số giả 61N3-841.96 chở T đi qua nhiều tuyến đường khu vực phường A, Quận A, rồi qua đường Q, quận G tìm tài sản trộm cắp. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, cả hai đến trước địa chỉ số F Q, Phường A, quận G phát hiện xe máy hiệu Honda Wave, biển số 59P3-425.75 của chị Phạm Thị H để phía trước nhà không có người trông coi, T chỉ cho P thấy và nói P dừng xe lại. P dừng xe gần đó để cảnh giới, còn T một mình đi bộ đến vị trí xe máy quan sát xung quanh, lợi dụng lúc không có người qua lại, T sử dụng tay trái cầm cây đoản bẻ khóa xe Honda Wave, biển số 59P3-425.75. Tuy nhiên, do sợ bị phát hiện nên đến lần thứ 02 T mới bẻ được khóa và khởi động xe. Sau đó, T điều khiển xe vừa trộm được, còn P điều khiển xe Honda Airblade cùng chạy tẩu thoát. Trên đường đi, P nói biết chỗ tiêu thụ xe không rõ nguồn gốc, nên cả 02 thống nhất đưa xe vừa trộm được cho P mang đi bán và hẹn gặp nhau lúc 19 giờ 00 phút ngày 26/8/2024 tại quán cà phê (gặp nhau buổi sáng) để chia tiền bán xe. Sau đó, T và P đổi xe cho nhau, P điều khiển xe vừa trộm được mang đi bán, còn T điều khiển xe Honda Airblade về nhà. Khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày, chị H phát hiện xe bị mất và đến Công an P2, quận G trình báo sự việc.

Ngày 16/11/2024, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận G tách hành vi của đồng bọn trộm cắp xe máy của đối tượng P (chưa rõ lai lịch) để tiếp tục điều tra, xác minh, đồng thời chuyển vụ án trên cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận P xử lý chung.

Quá trình điều tra, Trần Thành T và Trần Văn Q thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như trên.

Tại Cáo trạng số 21/CT-VKS.PN ngày 04/3/2025, Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận đã truy tố các bị cáo Trần Thành T và Trần Văn Q về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Trần Thành T và Trần Văn Q đã thừa nhận toàn bộ hành vi lén lút chiếm đoạt xe máy SH Mode màu trắng, biển số 47E1-258.51 của bà Nguyễn Thị Như Q1 vào khoảng 16 giờ 40 phút ngày 24/8/2024, tại số A P, Phường C, quận P, xe trị giá 22.334.000 đồng (hai mươi hai triệu ba trăm ba mươi

bốn nghìn đồng). Ngoài ra, Trần Thành T còn thừa nhận đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt 01 xe máy hiệu Honda Wave, biển số 59P3-425.75 của bà Phạm Thị H vào khoảng 15 giờ 00 ngày 25/8/2024, tại địa chỉ 6 Q, Phường A, quận G, xe trị giá 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) đúng như nội dung cáo trạng truy tố.

Tại phiên toà, các bị hại gồm: bà Nguyễn Thị Như Q1 và bà Phạm Thị H vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Bà Nguyễn Thị Như Q1 xác nhận đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì khác; Bà Phạm Thị H xác nhận gia đình bị hại đã tự nguyện bồi thường cho bị cáo số tiền là 15.000.000 đồng cho bà. Do đó, bà không có yêu cầu bồi thường gì thêm và có đề nghị bãi nại, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm cho bị cáo T một phần hình phạt.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt và xác định không có ý kiến, yêu cầu gì trong vụ án; bà Nga L vắng mặt lần hai, không có ý kiến, yêu cầu gì.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận giữ quan điểm truy tố đối với các bị cáo Trần Thành T và Trần Văn Q về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Sau khi phân tích hành vi phạm tội, đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 17; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Trần Thành T từ 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng đến 03 (Ba) năm tù; Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 17; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Trần Văn Q từ 02 (Hai) năm đến 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù; về phần dân sự: do không có ai yêu cầu nên không xem xét giải quyết; về xử lý vật chứng đề nghị xử lý theo quy định.

Quá trình tranh luận, đối đáp đại diện Viện kiểm sát, các bị cáo giữ nguyên quan điểm như đã nêu, không phát sinh tình tiết nào mới.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và rất ăn ăn hối hận, xin Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án nhẹ để sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của của cơ quan điều tra Công an quận P, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người bị hại, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm: Lời khai nhận tội của các bị cáo Trần Thành T và Trần Văn Q là phù hợp với nhau và còn phù hợp với lời khai của đại diện bị hại, người tham gia tố tụng khác, Kết luận định giá tài sản số 43/KL-HĐĐGTS ngày 05/9/2024 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự Ủy ban nhân dân quận P và Kết quả định giá số 219/KL-HĐĐGTS ngày 18/10/2024 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự Ủy ban nhân dân quận G cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã đủ cơ sở kết luận: Xuất phát từ động cơ tư lợi cá nhân, vào khoảng 16 giờ 40 phút ngày 24/8/2024, Trần Thành T cùng Trần Văn Q thực hiện hành vi lén lút chiếm

đoạt 01 xe máy SH Mode màu trắng, biển số 47E1-258.51 của bà Nguyễn Thị Như Q1 tại số A P, Phường C, quận P, xe trị giá 22.334.000 đồng (hai mươi hai triệu ba trăm ba mươi bốn nghìn đồng). Ngoài ra, vào khoảng 15 giờ 00 ngày 25/8/2024, T cùng đồng phạm tên P chưa rõ lai lịch đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt 01 xe máy hiệu Honda Wave, biển số 59P3-425.75 của bà Phạm Thị H tại địa chỉ 6 Q, Phường A, quận G, xe trị giá 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng). Như vậy, hành vi của các bị cáo Trần Thành T và Trần Văn Q đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do vậy, cáo trạng truy tố đối với các bị cáo là phù hợp quy định của pháp luật.

[2] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản hợp pháp được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh, trật tự tại địa phương, các bị cáo đều là người trên 18 tuổi, không thuộc trường hợp không có năng lực trách nhiệm hình sự, nhưng vì tư lợi đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của bà Q1, bà H thể hiện thái độ coi thường pháp luật. Đối với bị cáo Trần Thành T có nhân thân xấu, nhiều lần bị kết án, đã chấp hành xong hình phạt nhưng không thay đổi, tiếp tục lao vào con đường phạm tội và đã thực hiện liên tiếp 02 vụ lén lút chiếm đoạt tài sản của những người bị hại, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Bị cáo Trần Văn Q có 01 tiền án về tội chiếm đoạt tài sản chưa được xóa án tích nay lại tiếp tục phạm tội thuộc trường hợp tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tuy nhiên, khi lượng hình Hội đồng xét xử có cân nhắc, xem xét đến vai trò đồng phạm, các tình tiết giảm nhẹ và nhân thân của từng bị cáo. Xét đây là vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn do các bị cáo Trần Thành T và Trần Văn Q cùng thực hiện, trong đó, cả hai vụ chiếm đoạt tài sản, bị cáo T là người khởi xướng, rủ rê; bị cáo Q là đồng phạm giúp sức tích cực cùng bị cáo T chiếm đoạt xe máy của bà Q1 trong vụ án thứ nhất nên khi quyết định hình phạt có xem xét đến vai trò của từng bị cáo theo quy định tại Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét thấy, quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tài sản đã thu hồi trả lại cho bị hại trong vụ án thứ nhất nên áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo. Đối với bị cáo Trần Thành T, gia đình bị cáo đã tự nguyện bồi thường thay cho bị cáo số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) cho bị hại là bà Phạm Thị H, bà H có đơn bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T, do vậy, bị cáo T còn được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4] Căn cứ tính tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi và hậu quả của tội phạm cũng như xem xét đến nhân thân các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo như đã nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần có mức hình phạt nghiêm khắc cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để có tác dụng giáo dục, răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận là có căn cứ.

[5] Về hình phạt bổ sung:

Xét các bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn nên không cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Đối với ông đối tượng tên P (chưa rõ lai lịch) cùng bị cáo T thực hiện hành vi

chiếm đoạt xe máy của bà Phạm Thị H trong vụ án thứ hai, Cơ quan điều tra đã tách ra và tiếp tục điều tra xác minh làm rõ và xử lý sau theo quy định.

[7] Về phần dân sự:

bà Nguyễn Thị Như Q1 và bà Phạm Thị H vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Bà Nguyễn Thị Như Q1 xác nhận đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì khác; Bà Phạm Thị H xác nhận gia đình bị hại đã tự nguyện bồi thường cho bị cáo số tiền là 15.000.000 đồng cho bà. Do đó, bà H không có yêu cầu bồi thường gì thêm và có đề nghị bãi nại, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm cho bị cáo T một phần hình phạt. Do vậy, phần dân sự không có gì giải quyết.

[8] Về xử lý vật chứng:

- 01 USB ghi lại hình ảnh T và Q trộm cắp xe máy và gửi xe trộm cắp được tại bãi xe, xảy ra tại quận P; 01 USB ghi lại hình ảnh T cùng đồng phạm trộm cắp xe máy xảy ra tại quận G là tài liệu, chứng cứ quan trọng cần tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

- 01 xe Honda SH Mode màu trắng, biển số: 47E1-258.51. Kết quả xác minh xe do bà Nguyễn Thị Như Q1 đứng tên đăng ký sở hữu. Cơ quan điều tra đã trả xe cho Q1 theo Quyết định xử lý vật chứng số 2349/QĐ-ĐCSHS ngày 07/10/2024, chị Q1 không có yêu cầu gì khác do đó, không đề cập giải quyết.

- 01 xe Honda AirBlade, biển số 62B1-554.37, số khung RLHJF6308FZ751515, số máy JF63E1751542, T sử dụng làm phương tiện phạm tội. T khai nhận, xe trên nhờ bạn bè ngoài xã hội (không nhớ rõ ai) mua hộ trên trang trang chợ tốt, với giá khoảng 6.000.000 đồng vào đầu năm 2024 để sử dụng, không có giấy tờ, T không biết nguồn gốc xe này. Kết quả xác minh, biển số 62B1-554.37 là xe Exciter, số máy: 5P71011656, số khung: RLCE5P7109Y011658 do Trương Minh Đ2 đứng tên chủ sở hữu. Trương Minh Đ2 khai nhận, xe trên Đường đang sử dụng làm phương tiện đi lại, không bị ai chiếm đoạt hay mất trộm (bút lục số 85, 88). Kết quả giám định xác định không đủ cơ sở kết luận biển số xe trên là thật hay giả. Kết quả xác minh số khung RLHJF6308FZ751515, số máy JF63E1751542 không bị đục lại số, là xe hiệu Honda AirBlade, biển số 59F1-870.20 do Đỗ Đức T2 đứng tên chủ sở hữu. Ông T2 khai nhận, xe trên mua vào năm 2016 với giá 50.000.000 đồng để sử dụng. Vào khoảng 17 giờ 00 phút ngày 28/4/2023, T2 đi làm về và để xe trong nhà tại địa chỉ số A P, Phường A, quận P thì bị mất trộm, ông đã có trình báo Công an. Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe Honda AirBlade trên cho anh T2, theo Quyết định xử lý vật chứng số 2348/QĐ-ĐCSHS ngày 07/10/2024, anh T2 không có yêu cầu gì khác. Do vậy, không đề cập giải quyết.

- 01 biển số xe 61N3-841.96. Qua điều xác minh, không có trong cơ sở dữ liệu đăng ký quản lý phương tiện giao thông cơ giới đường bộ (bút lục số 84). T khai nhận biển số xe 61N3-841.96, T nhờ bạn bè xã hội (không nhớ rõ là ai) mua trên mạng với giá 200.000 đồng, mục đích để thay biển số xe để đi trộm cắp tài sản tránh bị phát hiện. T biết biển số xe này là giả vì được T mua trên mạng mà không do cơ quan nhà nước cấp. Kết quả giám định xác định không đủ cơ sở kết luận biển số xe 61N3-841.96 là thật hay giả. Xét, cần tịch thu tiêu hủy.

- 03 khóa màu trắng, 01 mỏ lết, 01 kìm cộng lực, 01 balo màu đen có chữ FPTShop, 05 đầu đoản phá khóa màu trắng, 01 tua vít, 01 xà beng dài khoảng 40cm, 01 đoạn sắt mở khóa từ màu vàng. Đây là công cụ, phương tiện T sử dụng để trộm cắp tài sản. Do vậy, cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 áo khoác màu đen có nhiều chữ B, 01 áo mưa màu xanh dương nhạt, 01 nón bảo hiểm màu đỏ, 01 áo mưa màu xanh dương đậm, 01 áo thun màu xanh dương đậm có chữ AVIANO, 01 đôi dép tổ ong màu vàng, 01 quần thun đùi màu xanh dương đậm, 01 nón màu đen có chữ PRADA là đồ vật cá nhân của Trần Thành T. T sử dụng mang

theo khi khi thực hiện hành vi phạm tội. Xét bị cáo không nhận lại và vật dụng không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- 01 nón bảo hiểm màu xám và 01 đôi dép lào màu đen. Đây là đồ vật của Q mang theo khi thực hiện hành vi phạm tội. Xét bị cáo không nhận lại và vật dụng không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 xe máy hiệu Honda Wave, biển số 59P3-425.75, T và đồng bọn đã trộm cắp của bà Phạm Thị H tại trước địa chỉ số F Q, Phường A, quận G, chưa thu hồi được. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận G đã ra thông báo tìm vật chứng, đến nay chưa có kết quả. Kết quả định giá số 219/KL-HĐĐGTS ngày 18/10/2024 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự Ủy ban nhân dân quận G xe có giá 15.500.000 đồng. Bà Phạm Thị H đã nhận lại số tiền bồi thường là 15.000.000 đồng của gia đình bị cáo T, Tại phiên tòa, bị cáo không có yêu cầu gì nên không đề cập giải quyết.

[9] Về án phí:

Các bị cáo Trần Thành T và Trần Văn Q phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 17; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

+ Xử phạt bị cáo Trần Thành T 02 (Hai) năm 06 (S) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày 29/8/2024

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 17; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

+ Xử phạt bị cáo Trần Văn Q 02 (H1) năm tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày 13/9/2024.

- Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 1, điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 biển số xe 61N3-841.96; 01 biển số xe 62B1-554.37; 03 khóa màu trắng, 01 mỏ lết, 01 kìm cộng lực, 01 balo màu đen có chữ FPTShop, 05 đầu đoản phá khóa màu trắng, 01 tua vít, 01 xà beng dài khoảng 40cm, 01 đoạn sắt mở khóa từ màu vàng; 01 áo khoác màu đen có nhiều chữ B, 01 áo mưa màu xanh dương nhạt, 01 nón bảo hiểm màu đỏ, 01 áo mưa màu xanh dương đậm, 01 áo thun màu xanh dương đậm có chữ AVIANO, 01 đôi dép tổ ong màu vàng, 01 quần thun đùi màu xanh dương đậm, 01 nón màu đen có chữ PRADA; 01 nón bảo hiểm màu xám và 01 đôi dép lào màu đen.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 22/4/2025 giữa Công an quận P và Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh).

+ Tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án: 01 USB ghi lại hình ảnh T và Q trộm cắp xe máy và gửi xe xảy ra tại quận P; 01 USB ghi lại hình ảnh T cùng đồng phạm trộm cắp xe máy xảy ra tại quận G.

- Căn cứ Điều 135, 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

Bị cáo Trần Thành T, Trần Văn Q, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên toà thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thanh Thảo

Nơi nhận:
. Bị cáo; (2)
. Người tham gia tố tụng; (6)
. CA TPHCM (PV 06); (1)
. TAND TP.HCM ; (1)
. VKSND Tp. Hồ Chí Minh; (1)
. VKSND quận Phú Nhuận (2)
. Cơ quan điều tra - CA Tp. Hồ Chí Minh; (1)
. Phân trại tạm giam khu vực quận Phú Nhuận - Trại tạm giam Chí Hòa – Công an Thành phố Hồ Chí Minh; (1)
. THADS quận Phú Nhuận; (1)
. THAHS Công an Tp. Hồ Chí Minh; (6)
. Lưu VP - hồ sơ. (2)